PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TƯ PHÁP

BỘ TƯ PHÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2017/TT-BTP	*Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2017*

THÔNG TƯ
Quản lý kho vật chứng, tài sản tạm giữ trong thi hành án dân sự

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự số 64/2014/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2002/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2002 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý kho vật chứng; Nghị định số 70/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý kho vật chứng ban hành kèm theo Nghị định số 18/2002/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2002 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quản lý kho vật chứng, tài sản tạm giữ trong thi hành án dân sự như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về nguyên tắc quản lý, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; kho vật chứng, nội quy kho vật chứng, tài sản tạm giữ; trách nhiệm của Thủ trưởng của cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên, Kế toán, Thủ kho vật chứng, Bảo vệ kho vật chứng và các cá nhân có liên quan khác trong quản lý, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ trong thi hành án dân sự; tiếp nhận, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ trong một số trường hợp đặc thù.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự, người làm công tác thi hành án dân sự và tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ trong thi hành án dân sự.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ

1. Vật chứng, tài sản tạm giữ trong thi hành án dân sự do cơ quan có thẩm quyền chuyển giao theo quy định của pháp luật hoặc tài sản do cơ quan thi hành án dân sự kê biên, tạm giữ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 58, Điều 68 và khoản 1 Điều 115 Luật Thi hành án dân sự phải được bảo quản tại kho vật chứng, tài sản tạm giữ (sau đây gọi chung là kho vật chứng) của cơ quan thi hành án dân sự.

Đối với vật chứng, tài sản tạm giữ không thể vận chuyển, di dời về bảo quản tại kho vật chứng của cơ quan thi hành án dân sự thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ký hợp đồng thuê trông giữ, bảo quản theo quy định của pháp luật.

2. Vật chứng, tài sản tạm giữ trong thi hành án dân sự phải được bảo quản an toàn và được xử lý kịp thời, theo quy định của pháp luật. Mọi hành vi xâm phạm, phá hủy niêm phong, sử dụng trái phép, chuyển nhượng, thêm bớt, đánh tráo, cất giấu, hủy hoại và các hành vi khác làm hư hỏng hoặc thay đổi hiện trạng vật chứng, tài sản tạm giữ trong thi hành án dân sự đều bị xử lý theo quy định.

3. Không sử dụng kho vật chứng của cơ quan thi hành án dân sự vào mục đích khác.

4. Người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật mới được ra, vào kho vật chứng.

Chương II
QUẢN LÝ, XỬ LÝ VẬT CHỨNG, TÀI SẢN TẠM GIỮ TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Điều 4. Kho vật chứng

1. Kho vật chứng phải bảo đảm yêu cầu về quy mô, tiêu chuẩn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; có đầy đủ các trang thiết bị cần thiết để bảo quản vật chứng tài sản, tạm giữ; bảo đảm các yêu cầu về an ninh, an toàn, vệ sinh môi trường và các yêu cầu khác trong việc bảo quản vật chứng, tài sản tạm giữ.

2. Trường hợp chưa có kho vật chứng hoặc số lượng vật chứng, tài sản tạm giữ quá lớn mà kho không thể đáp ứng được, cơ quan thi hành án dân sự có thể thuê kho để bảo quản.

Kho thuê phải đáp ứng các yêu cầu về trang thiết bị, an ninh, an toàn quy định tại khoản 1 Điều này; việc bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ tại kho thuê thực hiện tương tự như tại kho vật chứng của cơ quan thi hành án dân sự.

3. Căn cứ vào điều kiện thực tế của từng đơn vị, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự bố trí phòng hoặc khu vực làm việc của Thủ kho vật chứng và Bảo vệ kho vật chứng. Trường hợp kho vật chứng nằm trong trụ sở cơ quan thi hành án dân sự thì Bảo vệ cơ quan có trách nhiệm bảo vệ kho vật chứng.

Điều 5. Nội quy kho vật chứng

1. Kho vật chứng của các cơ quan thi hành án dân sự (kể cả trường hợp kho thuê) phải có nội quy.

2. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ban hành và tổ chức thực hiện nội quy kho vật chứng của cơ quan mình.

3. Nội quy kho vật chứng phải có các nội dung sau:

a) Quy định về thời gian, đối tượng ra, vào kho vật chứng;

b) Quy định về bảo đảm an ninh, an toàn vật chứng, tài sản tạm giữ;

c) Quy định về phòng chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường;

d) Quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan;

đ) Những nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự trong việc giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ

1. Đề xuất việc xây dựng, cải tạo, sửa chữa kho vật chứng; thực hiện việc thuê kho vật chứng bảo đảm quy mô, diện tích theo quy định; quy định định mức, tiêu chuẩn sử dụng, diện tích làm việc của Thủ kho, Bảo vệ kho vật chứng.

2. Chỉ đạo và tổ chức việc giao nhận, bảo quản và xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ bảo đảm đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

3. Chỉ đạo và tổ chức kiểm tra, kiểm kê, tổng hợp báo cáo về việc bảo quản vật chứng, tài sản tạm giữ theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự (sau đây gọi là Thông tư số 01/2016/TT-BTP).

4. Khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc; xem xét, xử lý theo thẩm quyền đối với tổ chức, cá nhân vi phạm trong việc giao nhận, bảo quản xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ theo quy định của pháp luật.

5. Chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ tồn đọng.

6. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, nơi cụm kho vật chứng được xây dựng có trách nhiệm làm đầu mối đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường xung quanh khu vực cụm kho; ban hành quy chế phối hợp trong việc bảo vệ cụm kho vật chứng (nếu thấy cần thiết).

Điều 7. Trách nhiệm của Chấp hành viên

1. Đề xuất, lập lệnh nhập kho trình Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự hoặc người được Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ủy quyền để nhập kho vật chứng, tài sản tạm giữ đối với tài sản kê biên đảm bảo thi hành án được bảo quản theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 58 và khoản 1 Điều 115 Luật Thi hành án dân sự.

2. Lập giấy đề nghị xuất kho và lệnh xuất kho vật chứng, tài sản tạm giữ trình Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự hoặc người được Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ủy quyền để xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ theo quy định.

3. Phối hợp với Kế toán nghiệp vụ, Thủ kho, Bảo vệ trong việc giao nhận, bảo quản, kiểm tra, kiểm kê, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ nhằm đảm bảo an ninh, an toàn, vệ sinh môi trường.

Điều 8. Trách nhiệm của kế toán nghiệp vụ thi hành án trong tiếp nhận, bảo quản và xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ

1. Thu thập, xử lý thông tin, số liệu; kiểm tra giám sát tình hình quản lý vật chứng, tài sản tạm giữ theo quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn về kế toán nghiệp vụ thi hành án.

2. Lập các chứng từ về việc giao nhận, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ.

3. Định kỳ hàng tháng, quý, năm phối hợp với Thủ kho vật chứng tiến hành việc đối chiếu, kiểm kê, đánh giá tình hình, kết quả bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ.

Điều 9. Thủ kho vật chứng

1. Căn cứ vào biên chế được giao, quy mô kho, tình hình, số lượng vật chứng, tài sản tạm giữ thường xuyên phải lưu giữ trong kho vật chứng, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự bố trí Thủ kho vật chứng.

Căn cứ vào điều kiện thực tế, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự bố trí thủ kho vật chứng chuyên trách hoặc thủ kho vật chứng kiêm nhiệm. Thủ kho vật chứng chuyên trách, được tuyển dụng đúng vị trí việc làm, được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ. Thủ kho vật chứng kiêm nhiệm phải được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ.

2. Thủ kho vật chứng có trách nhiệm:

a) Thực hiện việc xuất, nhập kho và bảo quản vật chứng tài sản tạm giữ theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự;

b) Lập giấy đề nghị nhập kho, xuất kho; lệnh nhập kho, xuất kho; biên bản giao nhận vật chứng, tài sản tạm giữ khi cơ quan có thẩm quyền chuyển giao hoặc cần trích xuất để phục vụ cho hoạt động tố tụng để Thủ trưởng cơ quan thi hành án

dân sự hoặc người được Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ủy quyền xem xét, quyết định việc nhập kho, xuất kho;

c) Phối hợp với Chấp hành viên, kế toán kiểm tra các thủ tục, giấy tờ cần thiết khác của người giao, gồm các thông tin: chủng loại, số lượng, trọng lượng, đặc điểm của vật chứng, tài sản tạm giữ cần nhập kho; lý do, thời gian nhập kho; họ và tên, chức vụ của người giao; chữ ký của Thủ trưởng và đóng dấu cơ quan thụ lý vụ việc; giấy tờ tùy thân của người giao vật chứng, tài sản tạm giữ;

d) Tiếp nhận, xác định tình trạng, đặc điểm vật chứng, tài sản tạm giữ, tình trạng niêm phong (nếu có) khi tiếp nhận và nhập kho vật chứng theo quy định. Việc kiểm tra hiện trạng vật chứng, tài sản tạm giữ phải đối chiếu với biên bản thu giữ ban đầu;

đ) Xuất kho vật chứng, tài sản tạm giữ để xử lý theo quy định của pháp luật bảo đảm đúng danh sách do Chấp hành viên lập và lệnh xuất kho của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự hoặc người được Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ủy quyền;

e) Thực hiện việc dán nhãn vật chứng, tài sản tạm giữ; ghi rõ tên của vụ việc; cơ quan, đơn vị, cá nhân chuyển giao vật chứng, tài sản tạm giữ; sắp xếp, bố trí vị trí bảo quản riêng biệt, tránh nhầm lẫn;

g) Lập thẻ kho đối với từng vật chứng, tài sản tạm giữ; ghi chép, cập nhật đầy đủ tình hình vào sổ kho theo dõi vật chứng, tài sản tạm giữ;

h) Báo cáo kịp thời cho Thủ trưởng cơ quan khi phát hiện vật chứng, tài sản tạm giữ bị mất, hư hỏng, thiếu hụt, thay đổi hiện trạng niêm phong và thực hiện các công việc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

i) Phối hợp với Chấp hành viên, kế toán thực hiện việc kiểm kê vật chứng, tài sản tạm giữ; kiểm tra bảo đảm sự an toàn, chắc chắn của các kệ, giá, trang thiết bị dùng để cất giữ, bảo quản vật chứng, tài sản tạm giữ, tránh trường hợp gãy, đổ, mất an toàn.

Điều 10. Bảo vệ kho vật chứng

1. Bảo vệ kho vật chứng là người được tuyển dụng vào làm việc tại cơ quan thi hành án dân sự địa phương theo chế độ hợp đồng, có nhiệm vụ bảo vệ, canh gác, bảo đảm an ninh, trật tự và an toàn kho vật chứng.

2. Bảo vệ kho vật chứng có trách nhiệm phối hợp với Thủ kho vật chứng trong việc kiểm kê, báo cáo Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự về việc vật chứng bị mất, hư hỏng; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Thủ trưởng đơn vị về an ninh, an toàn khu vực kho vật chứng.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Bảo vệ kho vật chứng do Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự nơi Bảo vệ kho vật chứng làm việc quy định.

Điều 11. Tiếp nhận vật chứng, tài sản tạm giữ trong một số trường hợp đặc thù

1. Đối với vật chứng, tài sản tạm giữ không thể di chuyển về kho vật chứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Quy chế quản lý kho vật chứng ban hành kèm theo Nghị định số 18/2002/NĐ-CP và Nghị định số 70/2013/NĐ-CP, cơ quan thi hành án dân sự nhận chuyển giao từ cơ quan điều tra tại nơi đang bảo quản vật chứng, tài sản tạm giữ và đề nghị cơ quan điều tra chuyển giao các loại tài liệu, giấy tờ liên quan đến việc giao bảo quản vật chứng, tài sản tạm giữ.

Cơ quan thi hành án dân sự tiếp tục giao cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp vật chứng, tài sản hoặc người thân thích của họ hoặc chính quyền địa phương, cơ quan, tổ chức nơi có vật chứng, tài sản tạm giữ trông giữ, bảo quản. Trường hợp các cá nhân, tổ chức nêu trên không tiếp tục nhận trông giữ, bảo quản vật chứng, tài sản tạm giữ thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự thuê tổ chức, cá nhân khác trông giữ, bảo quản.

2. Đối với vật chứng phải bảo quản tại cơ quan, tổ chức chuyên trách được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 8 Quy chế quản lý kho vật chứng ban hành kèm theo Nghị định số 18/2002/NĐ-CP và Nghị định số 70/2013/NĐ-CP, cơ quan thi hành án dân sự đề nghị cơ quan điều tra chuyển giao biên bản bàn giao vật chứng từ cơ quan điều tra sang cơ quan chuyên trách và các tài liệu liên quan để cơ quan thi hành án theo dõi, ra quyết định xử lý vật chứng theo bản án, quyết định của Tòa án.

3. Đối với các vật chứng, tài sản tạm giữ quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 8 Quy chế quản lý kho vật chứng ban hành kèm theo Nghị định số 18/2002/NĐ-CP và Nghị định số 70/2013/NĐ-CP, khi Tòa án chuyển giao bản án, quyết định, cơ quan thi hành án dân sự yêu cầu cơ quan đang bảo quản các vật chứng, tài sản tạm giữ chuyển giao cho cơ quan thi hành án dân sự (kể cả tài liệu, giấy tờ liên quan đến vật chứng, tài sản tạm giữ).

Điều 12. Bảo quản, kiểm kê vật chứng, tài sản tạm giữ; trích xuất vật chứng

1. Việc bảo quản, kiểm kê vật chứng, tài sản tạm giữ; trích xuất vật chứng thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 01/2016/TT-BTP. Vật chứng, tài sản tạm giữ là loại mau hỏng hoặc có thể bị trích xuất hoặc thuộc vụ việc đã có bản án, quyết định của Tòa án phải được bảo quản, sắp xếp ở vị trí thuận lợi, dễ dàng cho việc xử lý.

2. Đối với vật chứng, tài sản tạm giữ giao cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc người thân thích của họ hoặc chính quyền địa phương, tổ chức, cá nhân khác, nơi có vật chứng, tài sản tạm giữ bảo quản theo quy định, định kỳ hàng tháng, cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm kiểm tra việc bảo quản vật chứng, tài sản tạm giữ. Việc kiểm tra vật chứng, tài sản phải được lập biên bản, ghi rõ giờ, ngày, tháng năm kiểm tra; tên, số lượng và tình trạng của từng loại vật chứng, tài sản, có chữ ký của kế toán, thủ kho và Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự và người được giao bảo quản.

Trường hợp xét thấy việc bảo quản vật chứng, tài sản tạm giữ không đảm bảo an toàn thì phải yêu cầu tổ chức hoặc cá nhân được giao (hoặc thuê) bảo quản có biện pháp khắc phục, bảo đảm an toàn hoặc xem xét, giao (hoặc thuê) tổ chức, cá nhân khác bảo quản.

Điều 13. Xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ trong một số trường hợp đặc thù

1. Đối với vật chứng là chất độc, hóa chất nguy hiểm, ma túy (số lượng lớn) hoặc các loại vật chứng đặc thù khác phải tiêu hủy, nếu xét thấy việc tiêu hủy có thể dẫn đến mất an toàn và ảnh hưởng đến môi trường, cơ quan thi hành án dân sự phải lập kế hoạch (bao gồm cả kinh phí xử lý), phối hợp với các cơ quan chuyên môn có liên quan tiến hành thuê tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ để tiến hành tiêu hủy theo quy định.

Trường hợp có nhiều tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thì có thể tổ chức đấu thầu để lựa chọn.

2. Đối với vật chứng, tài sản tạm giữ tồn đọng từ 01 năm trở lên, chưa xử lý (trừ trường hợp vật chứng, tài sản tạm giữ đang phải bảo quản theo quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền), cơ quan thi hành án dân sự phối hợp với cơ quan Công an, Tòa án, Viện kiểm sát cùng cấp và các cơ quan chức năng để xác định tình trạng, lập danh sách vật chứng, tài sản tạm giữ còn tồn đọng, chưa xử lý và tiến hành xử lý như sau:

a) Đối với các vật chứng, tài sản tạm giữ mà vụ án bị đình chỉ thì cơ quan thi hành án dân sự đề nghị cơ quan đã ra quyết định đình chỉ vụ án ra quyết định xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ để tiến hành xử lý theo quy định;

b) Đối với các vật chứng, tài sản tạm giữ mà Tòa án chưa chuyển giao bản án, quyết định; Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra chưa chuyển giao tài liệu liên quan đến vật chứng, tài sản tạm giữ thì cơ quan thi hành án dân sự đề nghị các cơ quan có liên quan nêu trên chuyển giao để tiến hành xử lý theo quy định;

c) Đối với trường hợp không có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ hoặc không có tài liệu liên quan đến vật chứng, tài sản tạm giữ thì tổ chức họp liên ngành với các cơ quan có liên quan ở địa phương (Công an, Kiểm sát, Tòa án, Tài chính) thống nhất phương án, biện pháp xử lý.

Trường hợp không thống nhất được phương án, biện pháp xử lý thì báo cáo cơ quan thi hành án dân sự cấp trên trực tiếp hoặc cơ quan quản lý thi hành án dân sự để được chỉ đạo, hướng dẫn giải quyết.

Điều 14. Xử lý trường hợp vật chứng, tài sản tạm giữ bị mất, hư hỏng

Khi phát hiện vật chứng, tài sản tạm giữ đang lưu giữ, bảo quản tại kho vật chứng bị mất, hư hỏng, không còn giá trị, biến chất nguy hiểm, có thể gây mất an toàn thì xử lý như sau:

1. Đối với vật chứng, tài sản tạm giữ bị mất thì phải làm rõ trách nhiệm và phối hợp với các cơ quan liên quan điều tra, xác minh làm rõ và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm để xem xét, xử lý kỷ luật hoặc đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với cá nhân vi phạm.

2. Đối với tang vật, tài sản tạm giữ bị hư hỏng, không còn giá trị sử dụng thì thực hiện tiêu hủy theo quy định tại khoản 3 Điều 126 Luật Thi hành án dân sự và điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 13 Thông tư số 01/2016/TT-BTP.

3. Đối với tang vật, tài sản tạm giữ bị biến chất nguy hiểm, có thể gây mất an toàn thì phối hợp với các cơ quan chuyên môn để trao đổi, thống nhất phương án và tiến hành xử lý, đảm bảo an toàn đối với con người và vệ sinh, môi trường.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Đối với Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự

a) Tham mưu, đề xuất Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ đối với Thủ kho vật chứng, Bảo vệ kho vật chứng;

b) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ, nghiệp vụ quản lý kho vật chứng cho Thủ kho vật chứng, Bảo vệ kho vật chứng và các cá nhân có liên quan;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thi hành án dân sự địa phương trong việc giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ trong thi hành án dân sự; phối hợp với các cơ quan liên quan chỉ đạo, hướng dẫn giải quyết vướng mắc, khó khăn trong việc xử lý vật chứng đặc thù;

d) Tổ chức kiểm tra, tổng hợp, báo cáo công tác quản lý, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ trong thi hành án dân sự trong phạm vi cả nước;

đ) Xây dựng quy hoạch kho vật chứng trên toàn quốc.

2. Đối với Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Tham mưu, đề nghị cấp có thẩm quyền tổ chức xây dựng, sửa chữa kho vật chứng theo quy định của Thông tư này; chỉ đạo, tổ chức việc nhập kho, xuất kho, lưu giữ, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ theo quy định;

b) Kiểm tra, thống nhất biện pháp giải quyết theo quy định của pháp luật đối với trường hợp vật chứng đang lưu giữ, bảo quản tại kho vật chứng bị mất, hư hỏng, biến chất nguy hiểm, bị giảm, mất giá trị sử dụng, giá trị chứng minh hoặc xảy ra mất an toàn;

c) Lập dự toán kinh phí phục vụ việc quản lý, sửa chữa, mở rộng, nâng cấp kho vật chứng, mua sắm trang thiết bị, phương tiện, chi phí bảo quản vật chứng, tài sản tạm giữ theo quy định của pháp luật;

d) Tự kiểm tra và tổ chức kiểm tra việc thuê kho vật chứng; việc giao nhận, bảo quản và xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ đối với cơ quan thi hành án dân sự trực thuộc.

đ) Tổ chức kiểm tra, báo cáo tình hình, kết quả công tác giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ trong thi hành án dân sự tại địa phương.

3. Đối với Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Thực hiện các quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều này;

b) Tự kiểm tra, báo cáo tình hình, kết quả công tác giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ trong thi hành án dân sự tại đơn vị mình.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2017.

2. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên, công chức, người lao động làm công tác thi hành án dân sự và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Tiến Dũng